Túc Duyên, Phúc Hà, Phúc Trìu, Tân Cương, Quang Vinh, Lương Sơn, Phúc Xuân, Tích Lương, Thịnh Đức và Thịnh Đán.

Điều 2. — Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Thừa ủy quyền của Hội đồng Bộ trưởng
Bộ trưởng Tổng thư ký
ĐOÀN TRỌNG TRUYẾN

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 177-HĐBT ngày 15-6-1985 về chính sách, biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường quản lý xuất nhập khẩu.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Để thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ 5 và 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa V; nghị quyết của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng số 19-NQ-TƯ ngày 17-7-1984 về quan hệ kinh tế giữa nước ta với nước ngoài; và hệ thống hóa các chính sách quản lý xuất nhập khẩu bảo đảm các nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương, thống nhất quản lý ngoại hối;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng trong phiên họp ngày 5-4-1985;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại thương,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Các Bộ, Tổng cục quản lý sản xuất (dưới đây gọi tắt là Bộ), Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi tắt là tỉnh), các Ủy ban Nhân dân huyện và cấp tương đương (dưới đây gọi tắt là huyện) và các đơn vị sản xuất trong cả nước có nghĩa vụ phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và góp phần mở rộng hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; huy động mọi tiềm năng của Nhà nước và nhân dân, của trung ương và địa phương để đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, theo sự phân công và theo cơ chế quản lý ngoại thương của Nhà nước, đáp ứng ngày càng nhiều hơn nhu cầu nhập khẩu của cả nước và của ngành, địa phương, đơn vị mình.

Điều 2. — Các Bộ, tỉnh, huyện và đơn vị sản xuất phải sớm hoàn thành xây dựng quy hoạch nhằm sử dụng hợp lý và có hiệu quả đất đai, tài nguyên và lao động, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch dài hạn, trước mắt cho thời kỳ 1986 — 1990 và kế hoạch hàng năm phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Các kế hoạch phát triển sản xuất hàng xuất khẩu, kế hoạch xuất khẩu và nhập khẩu là một bộ phận của kế hoạch phát triển kinh tế của Bộ, tỉnh, huyện, đơn vị sản xuất và phải được trình duyệt cùng với kế hoạch phát triển kinh tế.

Điều 3. — Nhà nước tăng cường đầu tư (chiều rộng và chiều sâu) vào sản xuất hàng xuất khẩu và nguyên liệu làm hàng xuất khẩu.

Các kế hoạch sản xuất hàng xuất khẩu và kế hoạch thu mua hàng xuất khẩu 5 năm và hàng năm phải thể hiện bằng cả

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

hiện vật và kim ngạch. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cố gắng bảo đảm cân đối đủ các điều kiện cho kế hoạch sản xuất hàng xuất khẩu như tiền vốn, vật tư, nguyên liệu, điện, v.v... và cho kế hoạch thu mua (nếu là hàng do khu vực tập thể và cá thể sản xuất); phải bố trí ít nhất 50% số ngoại tệ hoặc vật tư do xuất khẩu đem lại để tái sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu. Đồng thời, các ngành, các cấp, các đơn vị phải cố gắng khai thác các nguồn khả năng của mình ngoài phần vật tư Nhà nước cân đối.

Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm dành vốn trong nước để ưu tiên cho vay phát triển sản xuất hàng xuất khẩu và bảo lãnh cho các địa phương và tổ chức kinh tế vay vốn nước ngoài để đầu tư phát triển sản xuất hàng xuất khẩu.

Điều 4. — Nhà nước giao chỉ tiêu pháp lệnh cho các Bộ và tỉnh sản xuất và giao nộp hàng để trung ương xuất khẩu. Các Bộ, tỉnh phải tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh chỉ tiêu pháp lệnh về xuất khẩu Nhà nước giao; chỉ có thể xét giảm trong trường hợp gặp khó khăn đột xuất lớn như thiên tai, sự cố nặng trong sản xuất. Phương pháp xây dựng kế hoạch sản xuất hàng xuất khẩu, kế hoạch xuất khẩu và giao chỉ tiêu pháp lệnh được thực hiện đúng theo chế độ kế hoạch hóa hiện hành (quy định số 159-HĐBT ngày 8-12-1984).

Ủy ban kế hoạch Nhà nước chủ trì cùng Bộ Ngoại thương nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các quy định cụ thể.

Điều 5. — Ngoài việc thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh của Nhà nước, các Bộ và các tỉnh được khuyến khích tổ chức sản xuất thêm hàng xuất khẩu.

Phần xuất khẩu của các Bộ và các tỉnh vượt chỉ tiêu pháp lệnh hoặc ngoài chỉ tiêu pháp lệnh được coi là xuất khẩu của Bộ và tỉnh. Bộ và tỉnh được trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, và được hưởng quyền sử dụng ngoại tệ theo quy định ở điều 15 dưới đây. Trường hợp Nhà nước yêu cầu Bộ và tỉnh tập trung sản phẩm cho trung ương xuất khẩu thì Bộ và tỉnh được hưởng quyền lợi như hàng ủy thác xuất khẩu.

Điều 6. — Đối với hàng xuất khẩu do địa phương hoặc tổ chức kinh tế trực thuộc các Bộ, đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngoại tệ tự có hoặc vay của Ngân hàng Ngoại thương hoặc vay bên ngoài và chịu trách nhiệm trả nợ, thì địa phương hoặc tổ chức kinh tế trung ương được:

a) Miễn làm nghĩa vụ giao nộp hàng xuất khẩu cho Nhà nước trong thời gian từ 3 đến 5 năm (tùy theo từng loại đối tượng sản xuất có yêu cầu đầu tư khác nhau) kể từ khi có sản phẩm xuất khẩu. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt mà phải giao hàng cho trung ương xuất khẩu thì được quyền sử dụng toàn bộ số ngoại tệ thu được do xuất khẩu trừ chi phí xuất khẩu.

b) Miễn hoặc giảm phần kết hối ngoại tệ cho trung ương trong thời gian từ 2 đến 3 năm đầu đối với phần sản phẩm xuất khẩu do mới đầu tư xây dựng đem lại.

Điều 7. — Việc giao chỉ tiêu vật tư và hàng hóa cần thiết kể cả lương thực và hàng tiêu dùng thiết yếu để sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu cho trung ương được quy định như sau:

1. Tổ chức nào được giao chỉ tiêu pháp lệnh về sản xuất và giao nộp hàng xuất

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

khẩu thì được giao chỉ tiêu vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu.

2. Đối với hàng xuất khẩu sản xuất trong các cơ sở kinh tế do các Bộ trực tiếp quản lý thì Nhà nước giao chỉ tiêu vật tư cho các Bộ chủ quản để cung ứng cho cơ sở sản xuất.

3. Đối với hàng xuất khẩu sản xuất trong các cơ sở kinh tế do địa phương trực tiếp quản lý (kể cả quốc doanh, tập thể, cá thể) và giao nộp cho trung ương xuất khẩu theo chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh Nhà nước giao chỉ tiêu vật tư, hàng hóa (kể cả lương thực nếu có nhu cầu) cho các tổng công ty hay liên hiệp các xí nghiệp (thông qua các Bộ) được phân công trách nhiệm xuất khẩu các mặt hàng đó, tương ứng với phần sản phẩm mà địa phương phải giao nộp theo chỉ tiêu kế hoạch, đồng thời Nhà nước thông báo các chỉ tiêu nói trên cho Ủy ban Nhân dân tỉnh. Các Bộ cùng với Ủy ban Nhân dân tỉnh chỉ đạo các tổ chức kinh tế có trách nhiệm của mình ký kết các hợp đồng về cung ứng vật tư, giao nộp sản phẩm xuất khẩu, và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hợp đồng.

4. Không được sử dụng vật tư Nhà nước phân phối để sản xuất hàng xuất khẩu vào các mục đích khác.

Điều 8. — Nhà nước thực hiện chế độ ưu tiên bảo đảm vật tư, nguyên liệu và các điều kiện sản xuất khác cho sản xuất và thu mua hàng xuất khẩu. Danh mục các sản phẩm xuất khẩu, các xí nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu và các tổ chức thu mua và tập trung hàng xuất khẩu cần được ưu tiên cung ứng vật tư do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước công bố hàng năm.

Các cơ quan cung ứng vật tư có trách nhiệm thực hiện chế độ ưu tiên cung ứng đủ số lượng, đúng quy cách, chất lượng, đúng địa điểm và thời gian, đúng giá cả Nhà nước (đối với những vật tư Nhà nước thống nhất quản lý giá) cho các cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu thuộc diện ưu tiên.

Điều 9. — Không cho phép xuất khẩu những hàng không đúng tiêu chuẩn chất lượng.

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước phối hợp với Bộ Ngoại thương và các Bộ hữu quan soát xét lại hệ thống các tiêu chuẩn chất lượng hàng xuất khẩu, trước tiên là những hàng xuất khẩu quan trọng, có kim ngạch lớn; trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành quy chế quản lý chất lượng nhằm bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu.

Các Bộ, tỉnh và đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu có trách nhiệm bảo đảm sản xuất và giao nộp hàng xuất khẩu đúng tiêu chuẩn chất lượng quy định và chấp hành đúng quy chế quản lý chất lượng hàng xuất khẩu.

Điều 10. — Để khuyến khích tăng sản suất và nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, giá thu mua hàng xuất khẩu được điều chỉnh lại như sau:

Giá thu mua phải bảo đảm bù đắp các chi phí vật chất và lao động theo định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý để tạo ra sản phẩm có chất lượng cao; lợi nhuận định mức được cao hơn so với sản phẩm tiêu dùng trong nước 10 — 20%.

Trên cơ sở định mức mới về lợi nhuận, xác định rõ mức chênh lệch về phẩm cấp nhằm khuyến khích mạnh sản phẩm xuất khẩu có chất lượng đạt hoặc cao hơn tiêu chuẩn quốc tế.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ủy ban Vật giá Nhà nước cùng với Bộ Ngoại thương, Bộ Tài chính quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện quy định này.

Điều 11. — Thành lập quỹ trợ giá xuất khẩu và ban hành chế độ thuế xuất nhập khẩu.

Bộ Tài chính chủ trì cùng Bộ Ngoại thương xây dựng chế độ cụ thể trình Hội đồng Bộ trưởng.

Điều 12. — Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm thi hành đầy đủ điều 2, chương IV của nghị quyết số 156 — HĐBT ngày 30-11-1984 của Hội đồng Bộ trưởng về chế độ tiền mặt đối với cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu và áp dụng quy định này đối với các tổ chức thu mua hàng xuất khẩu.

Điều 13. — Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước cùng Bộ Ngoại thương có trách nhiệm trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành tỷ giá kết hối mới và từng thời kỳ sẽ căn cứ vào sự thay đổi của mặt bằng giá kịp thời điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 14. — Chế độ thưởng giao nộp hàng xuất khẩu:

Về thưởng bằng tiền Việt Nam.

Các đơn vị sản xuất tập thể (hợp tác xã, tổ hợp và tập đoàn sản xuất) hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước về sản xuất và giao hàng xuất khẩu được thưởng tiền (tiền Việt Nam) bằng từ 4 đến 5% giá trị hợp đồng (trừ giá trị vật tư Nhà nước cung ứng cho sản xuất).

Về thưởng quyền sử dụng ngoại tệ.

Các đơn vị quốc doanh trung ương và địa phương hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về sản xuất và giao hàng xuất khẩu, thực hiện đầy đủ hợp đồng giao hàng xuất cho trung ương được sử dụng 10% ngoại tệ thực thu, sau khi tính trừ khoản ngoại tệ để chi nhập khẩu vật tư, nguyên liệu trực tiếp cho đơn vị làm hàng xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu sang khu vực thị trường nào thì được thưởng quyền sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu hàng hóa của khu vực thị trường đó.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Ngoại thương, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy định này.

Điều 15. — Đối với sản phẩm xuất khẩu, sản xuất vượt chỉ tiêu pháp lệnh, hoặc ngoài chỉ tiêu pháp lệnh hoặc không được Nhà nước cung cấp nguyên liệu tương ứng với chỉ tiêu pháp lệnh thì các Bộ, tỉnh và đơn vị sản xuất được hưởng từ 70% đến 90% số ngoại tệ thu được (theo giá xuất khẩu FOB) khi trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu hàng hóa đó; phần ngoại tệ còn lại (từ 10% đến 30%) kết hối cho quỹ ngoại tệ trung ương. Bộ Ngoại thương quy định cụ thể tỷ lệ cho từng loại hàng.

Các tỉnh miền núi phía Bắc, các tỉnh Tây Nguyên, các huyện miền núi của các địa phương khác được miễn kết hối phần ngoại tệ cho trung ương trong 5 năm kể từ khi bắt đầu có sản phẩm xuất khẩu. Các tỉnh, huyện có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống cũng có thể được Hội đồng Bộ trưởng xét giảm hoặc miễn kết hối phần ngoại tệ cho trung ương trong một thời gian nhất định tùy tình hình cụ thể của từng địa phương.

Nếu Bộ, tỉnh không bảo đảm nghĩa vụ giao nộp sản phẩm xuất khẩu theo chỉ tiêu pháp lệnh hoặc không kết hối đủ ngoại tệ thì Ngân hàng Ngoại thương

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

được phép trích tài khoản ngoại tệ tự có của Bộ, tỉnh nộp vào quỹ ngoại tệ của trung ương; nếu không đủ thì năm sau phải bù cho đủ. Sau 2 năm không bù đủ thì không được phép tiếp tục trực tiếp xuất nhập khẩu.

Điều 16. — Các tổ chức xuất nhập khẩu của trung ương nếu xuất khẩu các mặt hàng ngoài chỉ tiêu pháp lệnh thì cũng được sử dụng từ 70% đến 90% số ngoại tệ thu được (theo giá xuất khẩu FOB) tùy theo mặt hàng. Số ngoại tệ còn lại kết hối vào quỹ ngoại tệ trung ương.

Nếu các tổ chức xuất nhập khẩu trung ương vay ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương hoặc của nước ngoài để sản xuất hàng xuất khẩu thì sau khi hoàn trả vốn và lãi, được sử dụng 70% số ngoại tệ thu được.

Các tổ chức xuất nhập khẩu gửi vốn ngoại tệ thuộc quyền sử dụng của mình vào tài khoản riêng tại Ngân hàng Ngoại thương và được sử dụng vốn ấy vào mục đích mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu.

Điều 17. — Các tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ thu ngoại tệ được sử dụng 10% số ngoại tệ thu được nếu hoàn thành chỉ tiêu thu ngoại tệ do Nhà nước giao. Nếu số ngoại tệ thu được là do vượt chỉ tiêu hoặc ngoài chỉ tiêu Nhà nước giao thì được sử dụng 70% số thu được. Tổ chức dịch vụ được quyền sử dụng số ngoại tệ đó để nhập khẩu vật tư, hàng hóa phục vụ cho việc phát triển mở rộng kinh doanh của đơn vị, không được dùng vào việc khác.

Điều 18. — Nhà nước thực hiện chế độ bán thưởng vật tư theo giá bán buôn vật tư ngoài phần vật tư được cung ứng theo định mức kinh tế — kỹ thuật cho sản xuất hàng xuất khẩu. Các ngành và địa phương được quyền sử dụng nguồn vật tư này để đầu tư phát triển hàng xuất khẩu hoặc để cung ứng cho các nhu cầu phát triển kinh tế chung của ngành và địa phương.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Ngoại thương quy định mức bán thưởng cụ thể cho từng mặt hàng theo nhu cầu đầu tư phát triển sản xuất của từng ngành và địa phương và hướng khuyến khích của Nhà nước.

Bộ và Ủy ban Nhân dân tỉnh căn cứ vào tỷ lệ vật tư bán thưởng cho từng mặt hàng xuất khẩu và nhu cầu đầu tư phát triển nguồn hàng xuất khẩu, quyết định phân phối một phần vật tư bán thưởng đó cho xí nghiệp, công ty, hoặc cho huyện và xã cung ứng hàng xuất khẩu.

Điều 19. — Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phải dành quỹ ngoại tệ và vật tư cần thiết trong kế hoạch hàng năm để thực hiện các điều 3, 13, 14, 15, 16, 17 trên đây.

Điều 20. — Để tiết kiệm ngoại tệ, chỉ được nhập khẩu tư liệu sản xuất và những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu; không được nhập khẩu những loại hàng xa xỉ, các hàng trong nước có thể sản xuất được và sản xuất đủ dùng, các mặt hàng tiêu dùng không phù hợp với chính sách tiêu dùng của Nhà nước.

Điều 21. — Để bảo đảm nguyên tắc Nhà nước độc quyền ngoại thương và ngoại hối, nay quy định:

1. Mọi hoạt động xuất nhập khẩu của các ngành trung ương, của địa phương hay của đơn vị cơ sở đều phải chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Ngoại thương và phải bảo đảm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về quản lý ngoại

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thương, quản lý ngoại hối và quản lý vận tải xuất nhập khẩu.

2. Chỉ những tổ chức sau đây mới được tiến hành các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu :

— Các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, được cấp có thẩm quyền (theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng) quyết định thành lập và cho phép trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu với thị trường bên ngoài.

— Các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp lớn do Bộ chủ quản cùng Bộ Ngoại thương đề nghị, được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho phép trực tiếp xuất nhập khẩu.

3. Các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu trung ương và địa phương phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Nhà nước về quản lý thị trường và giá cả trong công tác thu mua hàng xuất khẩu.

Nghiêm cấm các tổ chức quốc doanh tùy tiện nâng giá thu mua hoặc dùng các biện pháp khác để tranh nhau mua hàng xuất khẩu. Nghiêm cấm tư thương cạnh tranh mua hàng xuất khẩu với các tổ chức quốc doanh ;

Cấm các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu của tỉnh, thành phố này tổ chức việc mua hàng xuất khẩu ở tỉnh, thành phố khác, trừ trường hợp được Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố sở tại cho phép.

Điều 22. — Các tổ chức xuất nhập khẩu trung ương và địa phương phải liên kết liên doanh với nhau để tổ chức thống nhất việc xuất nhập khẩu đối với các mặt hàng và nhóm hàng quan trọng.

Bộ Ngoại thương trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định các hình thức liên kết, liên doanh thích hợp, tổ chức việc tập trung đầu mối xuất nhập khẩu một số mặt hàng xuất khẩu nhập khẩu chính để rút kinh nghiệm ; trên cơ sở đó ban hành danh mục các mặt hàng hoặc nhóm hàng xuất khẩu, nhập khẩu cần thống nhất việc kinh doanh xuất nhập khẩu vào một đầu mối trong cả nước.

Điều 23. — Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế bản quy định ban hành kèm theo nghị định số 40-CP ngày 7-2-1980 của Hội đồng Chính phủ, nghị định số 200-CP ngày 26-5-1981 của Hội đồng Chính phủ và quyết định số 113-HĐBT ngày 10-7-1982 của Hội đồng Bộ trưởng. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ. Đối với hoạt động xuất nhập khẩu của ngành thủy sản, Hội đồng Bộ trưởng sẽ có quy định riêng.

Điều 24. — Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ cung ứng vật tư trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành quyết định này.

Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương có trách nhiệm thi hành quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó chủ tịch
TỐ HỮU

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com